

TỜ TRÌNH

**Về việc cho ý kiến xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2021/NQ-HĐND ngày 8/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06/11/2020 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phố khóa XI, kỳ họp thứ 17 về việc thống nhất danh mục công trình khởi công mới cho kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp thị xã;

Trên cơ sở Kết luận số 310-KL/TU ngày 22/10/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy Đức Phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân thị xã kính trình Hội đồng nhân dân Thị xã xem xét cho ý kiến về xây dựng Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp thị xã, như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Để có cơ sở xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XXI, đảm bảo tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt từ 10-12%. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm đạt 35.000 tỷ đồng. Hằng năm, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn cao hơn từ 5% - 7% so với chỉ tiêu tỉnh giao. Phần đầu đến năm 2025, cơ cấu kinh tế đạt: Thương mại - dịch vụ 45%; công nghiệp - xây dựng 45%; nông - lâm - ngư nghiệp 10% và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ đột phá và trọng tâm: (1) Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đột phá xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển đô thị. (2) Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế biển. (3) Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. (4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị của Thị xã.

II. Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp thị xã.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 của ngân sách cấp thị xã dự kiến khoảng 2.080.000 triệu đồng, trong đó:

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	
		Tổng vốn (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh phân cấp cho ngân sách thị xã	227.525	10,94
2	Vốn trong cân đối ngân sách thị xã	300.000	14,42
3	Vốn thu từ quỹ đất	652.475	31,37
4	Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, vốn khác	900.000	43,27
	Tổng cộng	2.080.000	100

2. Phương án dự kiến phân bổ nguồn vốn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025:

2.1) Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư các công trình theo thời gian:

TT	Nội dung	Mức vốn đầu tư (Triệu đồng)
1	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2020 trở về trước	31.541
2	Công trình chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025	153.819
3	Công trình Khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1.813.347
4	Bố trí vốn đối ứng xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	68.260
5	Dự phòng	13.033
	Tổng cộng	2.080.000

2.2) Cơ cấu phân bổ vốn theo từng ngành, lĩnh vực so với công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025:

- Ngành giao thông 756.850 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 41,74%.
- Ngành Thủy lợi 410.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 22,61%.
- Ngành Giáo dục và Đào tạo 162.490 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 8,96%.

- Ngành Văn hóa - thông tin: 30.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,65%.
- Ngành Hạ tầng - kỹ thuật: 400.227 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 22,07 %.
- Quy hoạch: 53.780 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,97 %.

(Chi tiết có các phụ lục kèm theo)

Trên cơ sở cân đối các nguồn lực, dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thị xã đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Đức Phổ lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025, từng bước đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, sớm hoàn thành đưa các công trình vào sử dụng để phát huy hiệu quả thực tế. Ưu tiên tập trung đầu tư cho các dự án quan trọng, có sức lan tỏa, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải kéo dài, giảm tối đa số lượng dự án khởi công mới.

Kính trình Hội đồng nhân dân Thị xã xem xét, quyết nghị./ *mm*

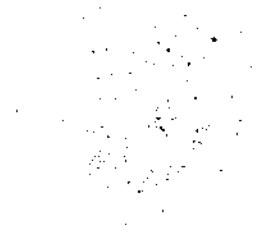
Nơi nhận : *lg*

- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND Thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

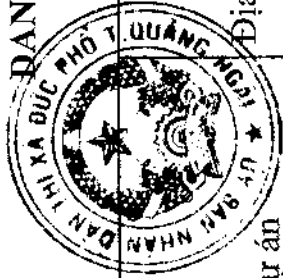


mm
Minh Tâm



DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
	Tổng cộng				229.240	113.131	180.871	91.579	31.541
I	Nguồn vốn ngân sách thị xã				184.716	113.131	160.985	91.579	12.834
1	Đường QL1A - Phố Vinh	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2020	81.000	16.200	76.173	11.356	233
2	Quốc lộ 1A - Đài truyền thanh	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2009-2019	16.762	9.977	14.461	9.872	105
3	Trường Mầm non Phố Quang (Điểm trường thôn Hải Tân)	Phố Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	3.906	3.906	2.906	2.906	853
4	Trường Mầm non Phố Thuận (Điểm trường thôn Mỹ Thuận)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	4.469	4.469	3.335	3.335	989

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
5	KDC Gò Cát ông Triệu	Phổ cường	UBND xã Phổ cường	2017-2019	9.855	9.855	5.000	5.000	4.370
6	KDC Gò Cát Dừa	Phổ cường	UBND xã Phổ cường	2017-2019	14.772	14.772	10.461	10.461	3.434
7	KDC Bao Điện xã Phổ An	Phổ An	UBND xã Phổ An	2018-2020	14.800	14.800	13.400	13.400	837
8	Cầu Hải Tân và đường dẫn	Phổ Quang, Phổ Minh	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2020	36.000	36.000	32.400	32.400	1.925
9	San lấp mặt bằng để Giáo xứ Bàu Góc xây dựng Nhà thờ công Giáo Trà Cầu	Phổ Văn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2020	3.152	3.152	2.849	2.849	88
II	Nguồn vốn khác				3.162	0	1.930	0	1.232
10	Khu sân vườn nhà làm việc UBND huyện Đức Phổ; Hàng mục: Xây dựng mới Phù Diêu.	Nguyễn Nghiêm	Văn phòng thị xã	2010-2011	3.162		1.930		1.232



TT	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
				Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
III	Nguồn vốn thu từ các Khu TĐC của dự án BOT (kể cả nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ)			41.362	0	17.956	0	17.475
11	Khu tái định cư Gò Cờ Trong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	3.873		1.031		2.063
12	Khu tái định cư Đồng Nã	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	11.828		7.080		3.211
13	Khu tái định cư Đồng Cây Cao	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	8.940		2.715		5.246
14	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Nam)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	2.617		443		1.733
15	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Bắc)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	3.068		2.581		88
16	Khu tái định cư Lô 2	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	6.571		3.105		2.664


TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
17	Khu tái định cư Rộc Khai	Phổ Văn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2015-2017	4.037		1.000		2.073
18	Di dời Đường điện 22KV khu tái định cư Gò Cò Trong	Phổ Thuận	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2015-2017	428		0		398

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
					411.113	287.083	125.583	153.819
1	Tổng cộng				60.006	12.001	3.575	8.425
2	Công trình Hồ chứa nước Cây Xoài	Phố Thanh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2021				
3	Kênh tưới Đập Đòng Đố	Phố Minh, Phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2021	7.994	7.994	6.090	1.530
4	Đường Đức Phổ - Phố Khánh (Giai đoạn 2)	Phố Khánh Phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	14.995	14.995	6.000	7.849
5	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường tỉnh lộ ĐT.627B đoạn Phố An - Phố Quang	Phố An, Phố Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.776	5.776	3.000	2.255
6	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đỗ Quang Thắng và Huỳnh Công Thiệu	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	6.500	6.500	2.600	1.923

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
6	Công trình đường QL1A - Mỹ Á - KCN Phố Phong (GD1)	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2011-2021	45.156	9.031	0	9.031
7	Đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	Phó Minh	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2017-2021	49.900	10.000		10.000
8	Trồng cây xanh cảnh quang tại Núi Giăng	Nguyễn nghiêm, Phó Minh	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2016-2021	15.630	15.630	14.569	545
9	Tuyến đường Phạm Hữu Nhất; Lý trình: KM0+303-KM0+654,41	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2017-2021	14.985	14.985	10.079	4.906
10	Đoạn đường Phạm Văn Đồng giáp tuyến đường Trần Hưng Đạo	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2018-2021	14.773	14.773	6.448	8.325
11	Khởi công, cải tạo dòng chảy sông Cầu Bầu huyện Đức Phổ (GD 1)	Phổ Hòa	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2021	14.995	14.995	12.000	2.995
12	Công trình Cầu Đập Mò Côi và đường dẫn	Phổ Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	19.470	19.470	8.600	10.870

TT		Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
13	Tuyến đường QL1 - Bến Bè	Phố Ninh, Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	12.000	12.000	4.800	7.200
14	Đường Phố Thuận - Phố Nhơn (Giai đoạn 2)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	9.634	9.634	3.900	3.633
15	Tuyến đường Võ Thị Sáu	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	10.000	10.000	3.601	6.399
16	Cầu Nguyễn Văn Giá và đường dẫn	Phố Cường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.000	5.000	2.000	3.000
17	Tuyến đường Chu Văn An	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.500	5.500	2.800	1.656
18	Trường mầm non Phố Châu (04 phòng học)	Phố Châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.103	5.103	1.600	3.503
19	Khắc phục khẩn cấp hư hỏng các công trình do cơn bão số 9, số 10 gây ra trên địa bàn thị xã năm 2020	Phòng Quản lý đô thị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	9.800	9.800	1.686	8.114

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
20	Đường Trà Cầu - Km7 (QL24) (Giai đoạn 2)	Phổ Văn, Phổ Thuận	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	14.997	14.997	2.000	12.997
21	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu xử lý liên hợp chất thải rắn thị xã Đức Phổ; Hàng mục: Đường dẫn đường Đức Phổ - Km 7(QL24)giai đoạn 2	Phổ Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	14.995	14.995	2.000	12.995
22	Cầu Bến Bè	Phổ Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	19.404	19.404	3.000	16.404
23	Đầu tư khẩn cấp công trình kè chống sạt lở bờ tả sông thoa, đoạn qua phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	Phổ Quang	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	14.500	14.500	13.000	1.500
24	Hệ thống thoát nước trung tâm đô thị Đức Phổ	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2021	20.000	20.000	12.236	7.764


**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021 - 2025**



Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ	
						Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác		
1	2		3	4	5					
I										
I NGÀNH GIAO THÔNG										
<i>Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025</i>										
1	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	40.000	40.000	20.000	20.000	100	
2	B	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Ninh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	100.000	100.000	50.000	50.000	100	
3	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	10.000		10.000	100	
4	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	9.500	9.500	9.500	9.500	100	
5	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.200	11.200	11.200	11.200	100	
6	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Nhơn	UBND xã Phố Nhơn	4.000	4.000	4.000	4.000	100	

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mỹ Trang - Phố Khánh	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Khánh, Phố Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.000	14.000	14.000		100
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phố Minh - Phố Văn (đoạn Phố Văn)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.500	6.500	6.500		100
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phố Thuận - Phố Nhon (đoạn qua địa bàn xã Phố Nhon)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Nhon	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4.300	4.300	4.300		100
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến Đường Phố An - Phố Phong (ĐH.42) (đoạn Phố Phong).	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Phong,	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.600	5.600	5.600		100
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện (Núi Bàu - Liệt Sơn)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Hòa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000		100
12	Hệ thống thoát nước các tuyến đường nội thị	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	18.000	16.550	16.550		92
13	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài (giai đoạn 2)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Ninh	UBND Thị xã	120.000	96.000	96.000		80

ST T	 Đường Phố Hòa Thịnh Vinh (đoạn Nguyễn Tất Thành - Phố Vinh)	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
14		C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Vinh	UBND Thị xã	150.000	135.000	35.000	100.000	90
15	Đầu tư hạ tầng Khu dân cư Làng Cá Sa Huỳnh (những đoạn còn lại)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000	9.200	9.200	0	84
16	Cầu Thanh Đức	B	Phòng Quản lý đô thị	Phố Thạnh	UBND Thị xã	185.000	185.000	0	185.000	100
17	Cầu Đò Móc và đường dẫn	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Văn, Phố Quang	UBND Thị xã	75.000	75.000	0	75.000	100
18	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (giai đoạn 2)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiem	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	28.000	28.000	0	28.000	100
II	NGÀNH THỦY LỢI					416.900	410.000	53.000	357.000	98
	<i>Được đưa vào KCM năm 2021</i>									
1	Kênh đập Đồng Đò (giai đoạn 2)	C	Phòng Kinh tế	Phố Minh, Phố Vinh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.900	7.900	7.900	7.900	100

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
2	Hồ chứa nước Bầu Đen và hệ thống mương tưới	C	Phòng Kinh tế	Phố Cường	BQL DA DTXD và PTQB	75.000	75.000	0	75.000	100
3	Kè chống sạt lở Sông Lò Bó	C	Phòng Kinh tế	Phường Phố Hòa	BQL DA DTXD và PTQB	15.000	15.000	0	15.000	100
	<i>Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025</i>									
4	Kè chống sạt lở bờ sông Trà Cầu	C	Phòng Kinh tế	Phố Ninh; Phố Minh	BQL DA DTXD và PTQB	50.000	50.000	0	50.000	100
5	Đập Giàng	C	Phòng Kinh tế	Phường Phố Minh	Phố Minh	2.500	2.500	2.500	0	100
6	Đập ngăn mặn	C	Phòng Kinh tế	Phố Văn, Phố Minh	BQL DA DTXD và PTQB	85.000	85.000	0	85.000	100
7	Kênh thoát nước chống ngập úng Đông Lau	C	Phòng Kinh tế	Phố Khánh	BQL DA DTXD và PTQB	8.000	8.000	8.000	0	100
8	Nâng cấp đập Mồ Côi	C	Phòng Kinh tế	Xã Phố Thuận	BQL DA DTXD và PTQB	40.000	40.000	0	40.000	100

ST T	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
						Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
9	C	Phòng Kinh tế	Phường Phố Mính	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	0	100	
10	C	Phòng Kinh tế	Phố Cường, Phố Vinh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	8.000	0	80	
11	C	Phòng Kinh tế	Phố Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	8.000	0	80	
12	C	Phòng Kinh tế	Phố Mính	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.500	11.600	0	80	
13	C	Phòng Kinh tế	các phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	80.000	80.000	0	100	
14	C	Phòng Kinh tế	Phố Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	12.000	12.000	0	100	
III					481.500	400.227	50.000	83	



Nâng cấp Đập Kó

Hệ thống thoát lũ từ đầm
Lâm Bình ra sông Trường

Đập ngăn giữ nước, khơi
thông dòng chảy và kè
chống sạt lở suối Cầu Gạch


Chỉnh trị dòng chảy sông
Trà Cầu

Kè chống sạt lở bờ các
điểm của sông Trà Cầu và
sông Thoa


Khắc phục khẩn cấp để
chống sạt lở bờ suối Biện
Nhĩ xã Phố Phong, thị xã
Đức Phổ

NGÀNH HẠ TÀNG - KỸ
THUẬT

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
	Được đưa vào KCM năm 2021						0			
1	Hệ thống thoát nước đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Nghiêm đến giáp diềm đầu giai đoạn I)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	BQL DA DTXD và PTQB	14.000	14.000	14.000		100
	Đưa kiến đưa vào KCM năm 2022-2025						0			
2	Đầu tư hạ tầng các Khu dân cư bán đầu giá	C	BQL DA DTXD và PTQB	các xã, phường	BQL DA DTXD và PTQB	250.000	218.227	218.227		87
3	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn Thị xã Đức Phổ (khu vực nội thị)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Phòng Quản lý đô thị	15.000	15.000	15.000		100
4	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn của Thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Nhơn	BQL DA DTXD và PTQB	15.000	15.000	15.000		100
5	Đầu tư các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Khánh, Phố Cường	BQL DA DTXD và PTQB	15.000	15.000	15.000		100
6	Hệ thống nước sạch trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	BQL DA DTXD và PTQB	15.000	12.000	12.000		80
7	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn Thị xã Đức Phổ (các đoạn trên QL)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Phòng Quản lý đô thị	20.000	20.000	20.000		

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
8	 Đường vào cụm công nghiệp Đồng Lãng (đoạn từ đường Trương Định nối với CCN)	C	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nghiêm Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.500	6.000	6.000	80	
9	Công viên, cây xanh các phường trên địa bàn Thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	30.000	15.000	15.000	50	
10	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Trường)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa, Phố Minh	UBND Thị xã	100.000	70.000	20.000	50.000	70
IV	NGÀNH VĂN HÓA- TT					45.000	30.000	30.000	0	67
1	Nâng cấp, cải tạo Khu tưởng niệm Liệt sĩ	C	Phòng Lao động TB&XH	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	11.000	11.000	11.000	100	
2	Hạ tầng khu di tích Liên trí Dục Nguyệt	C	Phòng Văn hóa - Thông tin	Phổ Thuận	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	4.000	4.000	4.000	100	
3	Xây dựng Khu trung tâm thể dục thể thao thị xã	C	Phòng Văn hóa - Thông tin	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	30.000	15.000	15.000	50	
IV	NGÀNH GIÁO DỤC					181.500	162.490	162.490	0	90
	Được đưa vào KCM năm 2021	C					0			

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
1	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm; Hàng mục: 06 phòng học, nhà bếp, sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQB	6.000	6.000	6.000		100
2	Trường Mầm non Phố Nhon; Hàng mục: 06 phòng học, nhà hiệu bộ, sân nền, tường rào công ngõ.	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhon	Ban QLDA DTXD và PTQB	13.500	13.500	13.500		100
3	Trường Mầm non Phố Châu; Hàng mục: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, tường rào và sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Châu	Ban QLDA DTXD và PTQB	6.000	6.000	6.000		100
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo							
4	Xây dựng 12 phòng học của Trường tâm GDTX-GDNN	C	Trung tâm GDTX-GDNN	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQB	14.000	14.000	14.000		100
5	Trường Mầm non Phố Thuận; Hàng mục: Nhà hiệu bộ và sân vườn; 2 phòng (Giáo dục thể chất, Trường Mầm non Phố	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thuận	Ban QLDA DTXD và PTQB	7.000	7.000	7.000		100
6	Văn; Hàng mục: 04 phòng (Giáo dục thể chất, Giáo dục nghệ thuật, 02 phòng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Văn	Ban QLDA DTXD và PTQB	9.200	9.200	9.200		100

ST T	 Đơn vị thực hiện Trường THPT Nguyễn Nghiêm; Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng bộ môn	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
7	Trường THPT Nguyễn Nghiêm; Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	10.500	10.500	10.500		100
8	Trường THCS Nguyễn Nghiêm; Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn; nhà vệ sinh, tường	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000		100
9	Trường Tiểu học Phố Vinh; Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.200	3.200	3.200		100
10	Trường TH Phố Nhơn; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng bộ môn, sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.800	5.800	5.800		100
11	Trường THCS Phố Thạnh; Hạng mục: Xây dựng mới 12 phòng học, hệ thống PCCC ngoài nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	13.000	13.000	13.000		100
12	Trường MN Phố Nhơn; Hạng mục: sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.500	1.500	1.500		100
13	Trường Mầm non Phố Thạnh; hạng mục 09 phòng học, hệ thống PCCC ngoài nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000	11.000	11.000		100

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
14	Trường TH số 3 Phố Thanh; hạng mục: 06 phòng học bộ môn và nhà hiệu bộ	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thanh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	8.500	6.830	6.830		80
15	Trường Tiểu học số 2 Phố Thanh; Hạng mục: 4 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thanh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.500	5.200	5.200		80
16	Trường THCS Phố Nhon; Hạng mục: 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhon	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4.500	3.600	3.600		80
17	Trường THCS Phố Ninh; Hạng mục: Xây dựng mới 06 phòng học và nhà vệ sinh	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Ninh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.000	4.000	4.000		80
18	Trường Mầm non Phố Minh; Hạng mục: Xây dựng mới 02 phòng: (01 Giáo dục thể chất, 01 Giáo dục Nghệ thuật).	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.900	1.520	1.520		80
19	Trường Mầm non Phố An; Hạng mục: 02 phòng: 01 Giáo dục thể chất, 01 Giáo dục Nghệ thuật.	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố An	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.900	1.520	1.520		80

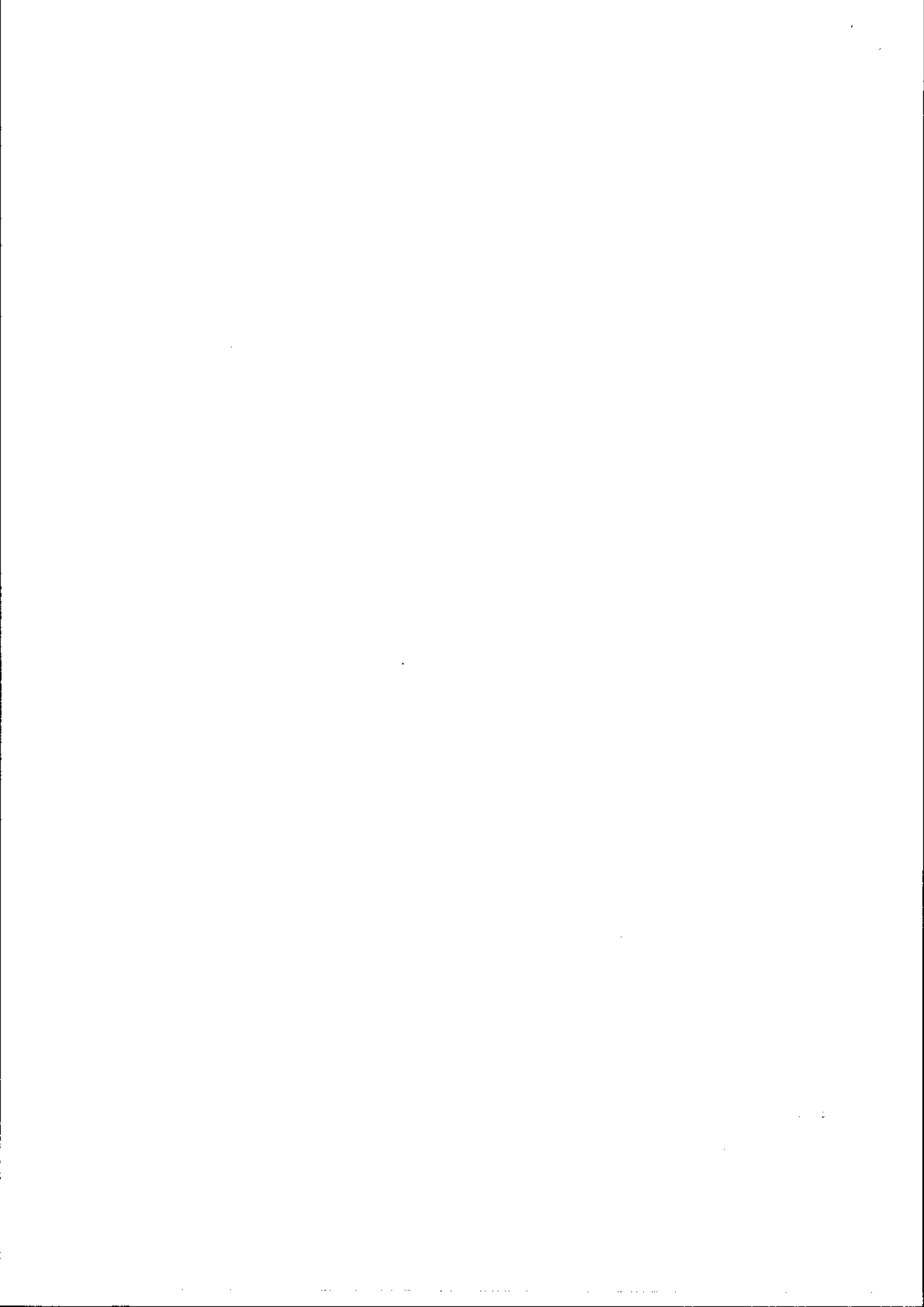
ST T	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
						Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
20	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.400	2.720	2.720		80
21	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	10.500	8.400	8.400		80
22	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Khánh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	9.500	7.600	7.600		80
23	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	9.500	7.600	7.600		80
24	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4.500	2.250	2.250		50
25	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Cường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.400	1.700	1.700		50
26	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.400	1.700	1.700		50



ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025				Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác		
27	Trường MN Phố Nhơn; Hạng mục: 02 phòng (01 Giáo dục thể chất, 01 giáo dục nghệ thuật), nhà bếp,	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2.300	1.150	1.150		50	
V	QUY HOẠCH Được đưa vào KCM năm 2021					56.000	53.780	28.780	25.000	96	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch thị xã Đức Phổ		Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	các xã, phường	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	3.200	3.200	3.200		100	
	Dựa trên đưa vào KCM năm 2022-2025										
2	Quy hoạch chi tiết 1/500 các khu dân cư để khai thác quỹ đất		Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.500	3.500	3.500		100	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Phong		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Phong	Phòng Quản lý đô thị	1.395	1.395	1.395		100	
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Cường		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Cường	Phòng Quản lý đô thị	1.750	1.750	1.750		100	
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Khánh		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Khánh	Phòng Quản lý đô thị	1.775	1.775	1.775		100	

ST T	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Châu	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Châu	Phòng Quản lý đô thị	1.380	1.380	1.380	-	100
7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Vinh (phần khu 2)		Phòng Quản lý đô thị	Phường Phố Vinh	Phòng Quản lý đô thị	5.400	5.400	5.400	-	100
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị ven biển mũi Phố Thanh - Phố Vinh		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Khánh	Phòng Quản lý đô thị	6.000	4.800	4.800	-	80
9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Tây các phường: Phố Hòa - Nguyễn Nghiêm - Phố Ninh		Phòng Quản lý đô thị	các phường: Phố Hòa, Nguyễn Nghiêm, Phố Ninh	Phòng Quản lý đô thị	5.100	4.080	4.080	-	80
10	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Bắc đô thị Đức Phố (Phố Văn - Phố Thuận - Phố An - Phố Quang)		Phòng Quản lý đô thị	phường Phố Thanh	Phòng Quản lý đô thị	10.000	10.000	-	10.000	100
11	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Bắc đô thị Đức Phố (Phố Văn - Phố Thuận - Phố An - Phố Quang)		Phòng Quản lý đô thị	Phường: Phố Quang, Phố Văn và các xã: Phố An, Phố Thuận, thị xã Đức Phố	Phòng Quản lý đô thị	15.000	15.000	-	15.000	100





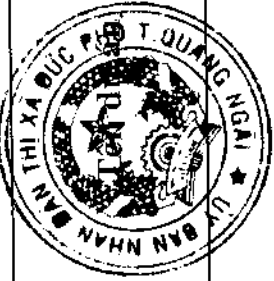
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

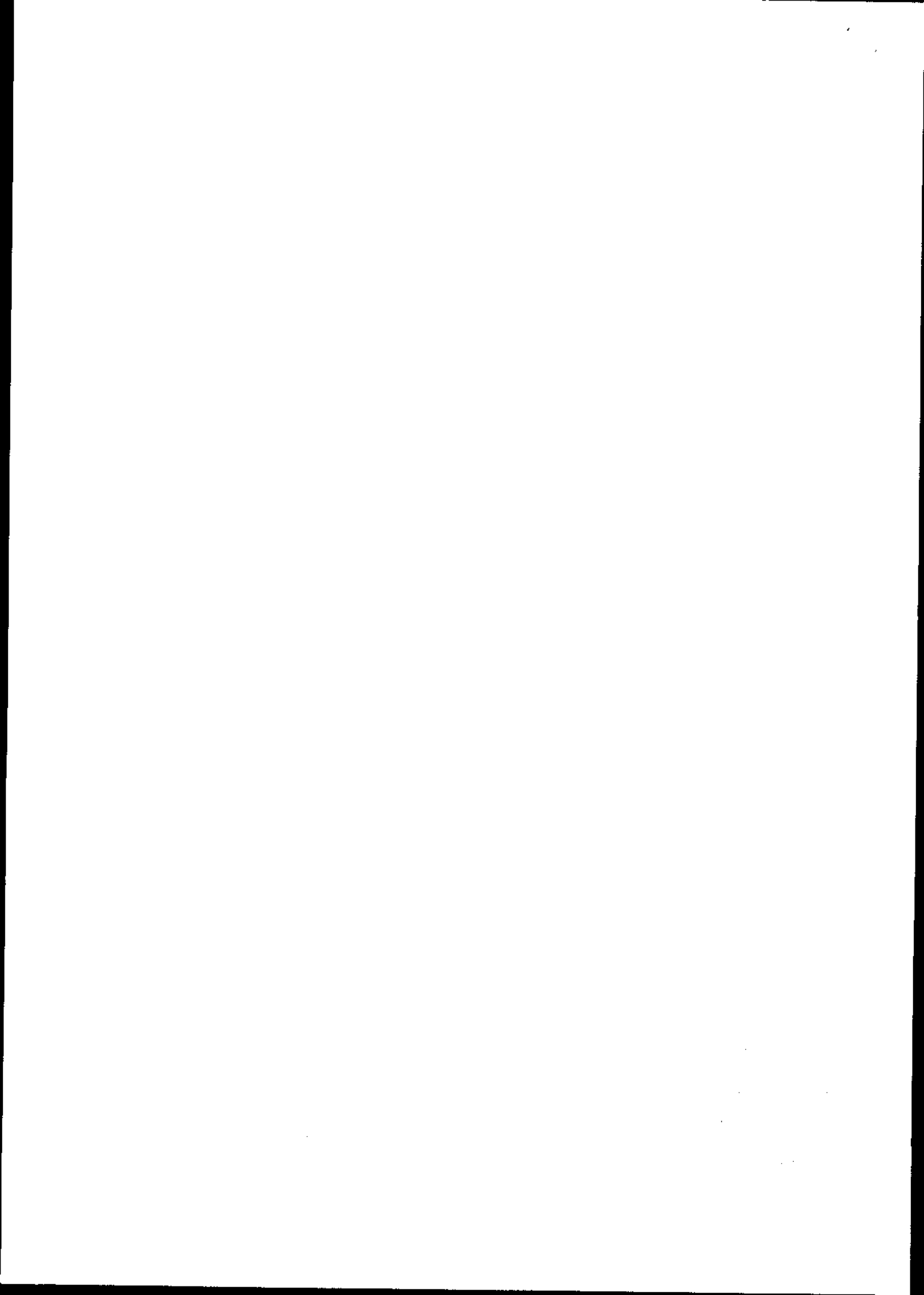
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến bố trí vốn	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư của dự án
8	Đầu tư hạ tầng các Khu dân cư bán đầu giá	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ		2022-2025	250.000	218.227	
8,1	Khu dân cư dọc 2 bên đường bê tông An Lợi – Phước Hạ, xã Phố Nhom	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 14.400,0 m ² ;		4.850	4.850	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội.
8,2	Khu dân cư dọc Hùng Nghĩa, xã Phố Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 8.006 m ² ;		2.800	2.800	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội.
8,3	Khu Dân cư Đồng Phời Trong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 19.590 m ²		34.000	34.000	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã



TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến bố trí vốn	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư của dự án
8,4	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn.	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 26.000 m ²		39.350	39.350	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,5	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 21.909 m ²		28.300	28.300	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,6	Khu dân cư mới số 01 tổ dân phố 4, phường Phổ Minh	Phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 8.847 m ²		7.100	7.100	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,7	Khu dân cư mới Gò Lôm tổ dân phố 4, phường Phổ Minh	Phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 10.875 m ²	?	9.400	9.400	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã

TT		Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến bố trí vốn	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư của dự án
8,8	Khu dân cư vùng lõm thôn Trường Sơn, Khu dân cư vùng lõm thôn Hải Môn, xã Phố Minh	Phường Phố Minh, thị xã Đức Phố	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 5.643 m ²		2.200	2.200	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,9	Khu dân cư thôn Trung Sơn, xã Phố Khánh	Xã Phố Khánh, thị xã Đức Phố	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 40.400 m ²		22.000	22.000	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,10	Các khu dân cư dọc đường Huỳnh Công Thiệu (nối dài)	Phường Phố Ninh, thị xã Đức Phố	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4 ha	2023-2024	100.000	68.227	Thực vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã



Số: /NQ-HĐND

Đức Phố, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
KHÓA I – KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2021/NQ-HĐND ngày 8/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021- 2025;

Trên cơ sở Kết luận số 310-KL/TU ngày 22/10/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy Đức Phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày 08/11/2021 của UBND thị xã Đức Phố về việc cho ý kiến xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã; Báo cáo thẩm tra số /BC-HBND ngày 10/11/2021 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND Thị xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã, chi tiết có phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thị xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật đầu tư công và pháp luật có liên quan. Đối với danh mục dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2022-2025 phải được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư trước khi trình phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, các Ban của Hội đồng nhân dân thị xã và đại biểu của Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2025, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Thị Ủy, TT HĐND thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các hội đoàn thể thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kiên

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
	Tổng cộng				229.240	113.131	180.871	91.579	31.541
I	Nguồn vốn ngân sách thị xã				184.716	113.131	160.985	91.579	12.834
1	Đường QL1A - Phố Vinh	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2020	81.000	16.200	76.173	11.356	233
2	Quốc lộ 1A - Đài truyền thanh	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2009-2019	16.762	9.977	14.461	9.872	105
3	Trường Mầm non Phố Quang (Điểm trường thôn Hải Tân)	Phố Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	3.906	3.906	2.906	2.906	853
4	Trường Mầm non Phố Thuận (Điểm trường thôn Mỹ Thuận)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	4.469	4.469	3.335	3.335	989

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kê vốn đã bỏ trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
5	KDC Gò Cát ông Triệu	Phố cường	UBND xã Phố cường	2017-2019	9.855	9.855	5.000	5.000	4.370
6	KDC Gò Cát Dừa	Phố cường	UBND xã Phố cường	2017-2019	14.772	14.772	10.461	10.461	3.434
7	KDC Bao Diên xã Phố An	Phố An	UBND xã Phố An	2018-2020	14.800	14.800	13.400	13.400	837
8	Cầu Hải Tân và đường dẫn	Phố Quang, Phố Minh	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2020	36.000	36.000	32.400	32.400	1.925
9	San lấp mặt bằng để Giáo xứ Bàu Góc xây dựng Nhà thờ công Giáo Trà Cầu	Phố Văn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2020	3.152	3.152	2.849	2.849	88
II	Nguồn vốn khác				3.162	0	1.930	0	1.232
10	Khu sân vườn nhà làm việc UBND huyện Đức Phổ; Hàng mục: Xây dựng mới Phù Diêu.	Nguyễn Nghiêm	Văn phòng thị xã	2010-2011	3.162		1.930		1.232

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã		Tổng số	Trong đó: Ns thị xã		
						Tổng số	Trong đó: Ns thị xã		Tổng số		Trong đó: Ns thị xã
III	Nguồn vốn thu từ các Khu TĐC của dự án BOT (kể cả nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ)				41.362	0	17.956	0	17.475		
11	Khu tái định cư Gò Cờ Trong	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	3.873		1.031		2.063		
12	Khu tái định cư Đồng Nã	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	11.828		7.080		3.211		
13	Khu tái định cư Đồng Cây Cao	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	8.940		2.715		5.246		
14	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Nam)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	2.617		443		1.733		
15	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Bắc)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	3.068		2.581		88		
16	Khu tái định cư Lô 2	Phố Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	6.571		3.105		2.664		

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
17	Khu tái định cư Rộc Khai	Phố Văn	Ban QLDA DTXD và PTQB	2015-2017	4.037		1.000		2.073
18	Di dời Đường điện 22KV khu tái định cư Gò Cờ Trong	Phố Thuận	Ban QLDA DTXD và PTQB	2015-2017	428		0		398

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
	Tổng cộng				411.113	287.083	125.583	153.819
1	Công trình Hồ chứa nước Cây Xoài	Phố Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2021	60.006	12.001	3.575	8.425
2	Kênh tưới Đập Đồng Đò	Phố Minh, Phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2021	7.994	7.994	6.090	1.530
3	Đường Đức Phổ - Phố Khánh (Giai đoạn 2)	Phố Khánh Phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	14.995	14.995	6.000	7.849
4	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường tỉnh lộ ĐT.627B đoạn Phố An - Phố Quang	Phố An, Phố Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.776	5.776	3.000	2.255
5	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đỗ Quang Thắng và Huỳnh Công Thiệu	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	6.500	6.500	2.600	1.923

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ tới đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
6	Công trình đường QL1A - Mỹ Á - KCN Phố Phong (GD1)	Nguyễn nghiên	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2011-2021	45.156	9.031	0	9.031
7	Đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (múi 24)	Phó Minh	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2017-2021	49.900	10.000		10.000
8	Trồng cây xanh cảnh quang tại Núi Giàng	Nguyễn nghiên, Phó Minh	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2016-2021	15.630	15.630	14.569	545
9	Tuyến đường Phạm Hữu Nhật; Lý trình: KM0+303-KM0+654,41	Nguyễn nghiên	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2017-2021	14.985	14.985	10.079	4.906
10	Đoạn đường Phạm Văn Đông giáp tuyến đường Trần Hưng Đạo	Nguyễn nghiên	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2018-2021	14.773	14.773	6.448	8.325
11	Khởi công, cải tạo dòng chảy sông Cầu Bàu huyện Đức Phổ (GD 1)	Phó Hòa	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2021	14.995	14.995	12.000	2.995
12	Công trình Cầu Đập Mỏ Côi và đường dẫn	Phó Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	19.470	19.470	8.600	10.870

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
13	Tuyến đường QL1 - Bến Bè	Phố Ninh, Phố Nhon	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	12.000	12.000	4.800	7.200
14	Đường Phố Thuận - Phố Nhon (Giai đoạn 2)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	9.634	9.634	3.900	3.633
15	Tuyến đường Võ Thị Sáu	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	10.000	10.000	3.601	6.399
16	Cầu Nguyễn Văn Giá và đường dẫn	Phố Cường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.000	5.000	2.000	3.000
17	Tuyến đường Chu Văn An	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.500	5.500	2.800	1.656
18	Trường mầm non Phố Châu (04 phòng học)	Phố Châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.103	5.103	1.600	3.503
19	Khắc phục khẩn cấp hư hỏng các công trình do cơn bão số 9, số 10 gây ra trên địa bàn thị xã năm 2020	Phòng Quản lý đô thị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	9.800	9.800	1.686	8.114

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ tới đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
20	Đường Trà Cầu - Km7 (QL24) (Giai đoạn 2)	Phố Văn, Phố Thuận	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	14.997	14.997	2.000	12.997
21	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu xử lý liên hợp chất thải rắn thị xã Đức Phổ; Hàng mục: Đường dẫn đường Đức Phổ - Km 7(QL24)giai đoạn 2	Phố Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	14.995	14.995	2.000	12.995
22	Cầu Bến Bè	Phố Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	19.404	19.404	3.000	16.404
23	Đầu tư khẩn cấp công trình kè chống sạt lở bờ tả sông thoa, đoạn qua phường Phố Quang, thị xã Đức Phổ	Phố Quang	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2020-2021	14.500	14.500	13.000	1.500
24	Hệ thống thoát nước trung tâm đô thị Đức Phổ	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	2019-2021	20.000	20.000	12.236	7.764

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021 - 2025**

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
1	2			3	4	5				
	TỔNG CỘNG					1.980.000	1.813.347	913.347	900.000	92
I	NGÀNH GIAO THÔNG					799.100	756.850	288.850	468.000	95
	<i>Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025</i>									
1	Đường Huỳnh Thúc Kháng	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiem, Phố Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	40.000	40.000	20.000	20.000	100
2	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	B	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Ninh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	100.000	100.000	50.000	50.000	100
3	Cầu Sộp và đường dẫn	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	10.000		10.000	100
4	Cầu Đập Giàng	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	9.500	9.500	9.500	9.500	100
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến Đường Đức Phố - Phố Khánh (ĐH.47) (các đoạn còn lại)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.200	11.200	11.200	11.200	100
6	Cầu Suối Đục	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Nhơn	UBND xã Phố Nhơn	4.000	4.000	4.000	4.000	100

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025				Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác		
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mỹ Trang - Phố Khánh	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Khánh, Phố Cường	BQL DA DTXD và PTQĐ	14.000	14.000	14.000		100	
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phố Minh - Phố Văn (đoạn Phố Văn)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Văn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	6.500	6.500	6.500		100	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phố Thuận – Phố Nhon (đoạn qua địa bàn xã Phố Nhon)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Nhon	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	4.300	4.300	4.300		100	
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến Đường Phố An -Phố Phong (ĐH.42) (đoạn Phố Phong).	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Phong,	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	5.600	5.600	5.600		100	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện (Núi Bàu - Liệt Sơn)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Hòa	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000		100	
12	Hệ thống thoát nước các tuyến đường nội thị	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	18.000	16.550	16.550		92	
13	Đường Huỳnh Công Thiệu nói dài (giai đoạn 2)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Ninh	UBND Thị xã	120.000	96.000	96.000		80	

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
14	Đường Phố Hòa - Phố Vinh (đoạn Nguyễn Tất Thành - Phố Vinh)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Vinh	UBND Thị xã	150.000	135.000	35.000	100.000	90
15	Đầu tư hạ tầng Khu dân cư Làng Cá Sa Huỳnh (những đoạn còn lại)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000	9.200	9.200	0	84
16	Cầu Thạnh Đức	B	Phòng Quản lý đô thị	Phố Thạnh	UBND Thị xã	185.000	185.000	0	185.000	100
17	Cầu Đò Móc và đường dẫn	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Văn, Phố Quang	UBND Thị xã	75.000	75.000	0	75.000	100
18	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (giai đoạn 2)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	28.000	28.000	0	28.000	100
II	NGÀNH THỦY LỢI					416.900	410.000	53.000	357.000	98
	<i>Được đưa vào KCM năm 2021</i>									
1	Kênh đập Đồng Đò (giai đoạn 2)	C	Phòng Kinh tế	Phố Minh, Phố Vinh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.900	7.900	7.900		100

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025				Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác		
2	Hồ chứa nước Bầu Đen và hệ thống mương tưới	C	Phòng Kinh tế	Phố Cường	BQL DA DTXXD và PTQĐ	75.000	75.000	0	75.000	100	
3	Kè chống sạt lở Sông Lò Bó	C	Phòng Kinh tế	Phường Phố Hòa	BQL DA DTXXD và PTQĐ	15.000	15.000	0	15.000	100	
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025										
4	Kè chống sạt lở bờ sông Trà Cầu	C	Phòng Kinh tế	Phố Ninh; Phố Minh	BQL DA DTXXD và PTQĐ	50.000	50.000	0	50.000	100	
5	Đập Giảng	C	Phòng Kinh tế	Phường Phố Minh	Phố Minh	2.500	2.500	2.500	0	100	
6	Đập ngăn mặn	C	Phòng Kinh tế	Phố Văn, Phố Minh	BQL DA DTXXD và PTQĐ	85.000	85.000	0	85.000	100	
7	Kênh thoát nước chống ngập úng Đồng Lau	C	Phòng Kinh tế	Phố Khánh	BQL DA DTXXD và PTQĐ	8.000	8.000	8.000	0	100	
8	Nâng cấp đập Mỏ Côi	C	Phòng Kinh tế	Xã Phố Thuận	BQL DA DTXXD và PTQĐ	40.000	40.000	0	40.000	100	

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
9	Nâng cấp Đập Ró	C	Phòng Kinh tế	Phường Phố Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	0	100	
10	Hệ thống thoát lũ từ đầm Lâm Bình ra sông Trường	C	Phòng Kinh tế	Phố Cường, Phố Vinh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	8.000	0	80	
11	Đập ngăn giữ nước, khơi thông dòng chảy và kè chống sạt lở suối Cầu Gạch	C	Phòng Kinh tế	Phố Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	8.000	0	80	
12	Chỉnh trị dòng chảy sông Trà Cầu	C	Phòng Kinh tế	Phố Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.500	11.600	0	80	
13	Kè chống sạt lở bờ các điểm của sông Trà Cầu và sông Thoa	C	Phòng Kinh tế	các phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	80.000	80.000	0	100	
14	Khắc phục khẩn cấp để chống sạt lở bờ suối Biện Nhĩ xã Phố Phong, thị xã Đức Phổ	C	Phòng Kinh tế	Phố Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	12.000	12.000	0	100	
III	NGÀNH HẠ TẦNG - KỸ THUẬT					481.500	400.227	50.000	83	

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
	Được đưa vào KCM năm 2021					0	0			
1	Hệ thống thoát nước đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Nghiễm đến giáp điểm đầu giải đoạn 1)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiễm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.000	14.000	14.000	100	
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025					0	0			
2	Đầu tư hạ tầng các Khu dân cư bán đầu giá	C	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	các xã, phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	250.000	218.227	218.227	87	
3	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn Thị xã Đức Phổ (khu vực nội thị)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Phòng Quản lý đô thị	15.000	15.000	15.000	100	
4	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn của Thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Nhơn	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	15.000	15.000	15.000	100	
5	Đầu tư các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Khánh, Phố Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	15.000	15.000	15.000	100	
6	Hệ thống nước sạch trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	15.000	12.000	12.000	80	
7	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn Thị xã Đức Phổ (các đoạn trên QL)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Phòng Quản lý đô thị	20.000	20.000	20.000		

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
8	Đường vào cụm công nghiệp Đồng Làng (đoạn từ đường Trương Định nối với CCN)	C	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nghiêm Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.500	6.000	6.000	80	
9	Công viên, cây xanh các phường trên địa bàn Thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	30.000	15.000	15.000	50	
10	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Trường)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa, Phố Minh	UBND Thị xã	100.000	70.000	20.000	70	
IV	NGÀNH VĂN HÓA- TT					45.000	30.000	0	67	
1	Nâng cấp, cải tạo Khu tưởng niệm Liệt sĩ	C	Phòng Lao động TB&XH	Nguyễn nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	11.000	11.000	11.000	100	
2	Hạ tầng khu di tích Liên trí Dục Nguyệt	C	Phòng Văn hóa - Thông tin	Phố Thuận	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	4.000	4.000	4.000	100	
3	Xây dựng Khu trung tâm thể dục thể thao thị xã	C	Phòng Văn hóa - Thông tin	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	30.000	15.000	15.000	50	
IV	NGÀNH GIÁO DỤC					181.500	162.490	0	90	
	<i>Được đưa vào KCM năm 2021</i>	C					0			

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
1	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm; Hàng mục: 06 phòng học, nhà bếp, sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000		100
2	Trường Mầm non Phố Nhơn; Hàng mục: 06 phòng học, nhà hiệu bộ, sân nền, tường rào công ngô.	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	13.500	13.500	13.500		100
3	Trường Mầm non Phố Châu; Hàng mục: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, tường rào và sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Châu	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000		100
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo							
4	Xây dựng 12 phòng học của Trung tâm GDTX- GDNN	C	Trung tâm GDTX-GDNN	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	14.000	14.000	14.000		100
5	Trường Mầm non Phố Thuận; Hàng mục: Nhà hiệu bộ và sân vườn; 2 phòng (Giáo dục thể chất, Tư vấn)	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thuận	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000		100
6	Trường Mầm non Phố Văn; Hàng mục: 04 phòng (Giáo dục thể chất, Giáo dục nghệ thuật, 02 phòng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Văn	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	9.200	9.200	9.200		100

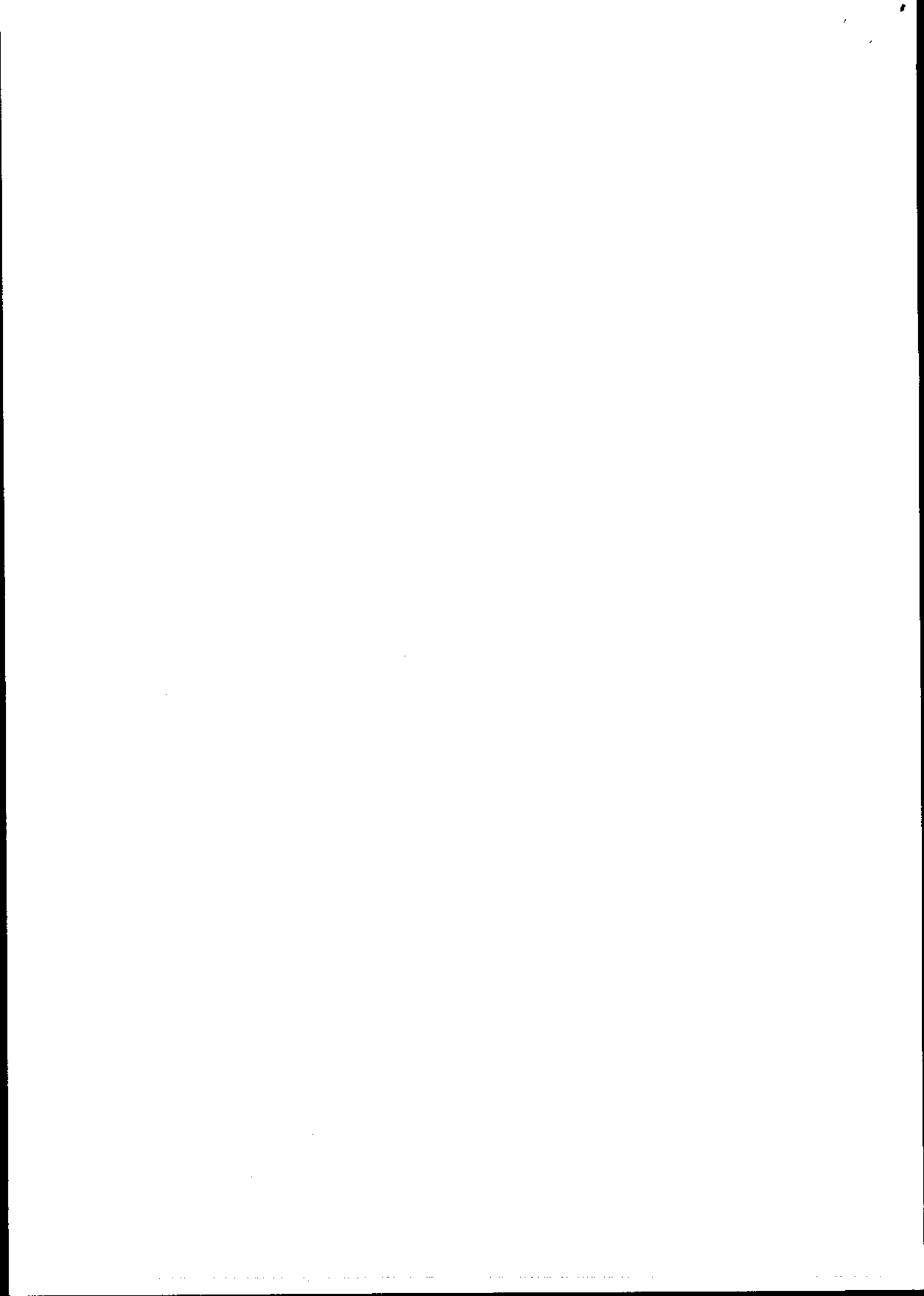
ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
7	Trường TH Nguyễn Nghiêm; Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	10.500	10.500	10.500	100	
8	Trường THCS Nguyễn Nghiêm; Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn; nhà vệ sinh, tường	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000	100	
9	Trường Tiểu học Phó Vinh; Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.200	3.200	3.200	100	
10	Trường TH Phó Nhơn; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng bộ môn, sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.800	5.800	5.800	100	
11	Trường THCS Phó Nhơn; Hạng mục: Xây dựng mới 12 phòng học, hệ thống PCCC ngoài nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	13.000	13.000	13.000	100	
12	Trường MN Phó Nhơn; Hạng mục: sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.500	1.500	1.500	100	
13	Trường Mầm non Phó Thạnh; hạng mục 09 phòng học, hệ thống PCCC ngoài nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phó Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000	11.000	11.000	100	

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
14	Trường TH số 3 Phố Thành; hạng mục: 06 phòng học bộ môn và nhà hiệu bộ	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thành	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	8.500	6.830	6.830		80
15	Trường Tiểu học số 2 Phố Thành; Hạng mục: 4 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thành	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.500	5.200	5.200		80
16	Trường THCS Phố Nhơn; Hạng mục: 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4.500	3.600	3.600		80
17	Trường THCS Phố Ninh; Hạng mục: Xây dựng mới 06 phòng học và nhà vệ sinh	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Ninh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.000	4.000	4.000		80
18	Trường Mầm non Phố Minh; Hạng mục: Xây dựng mới 02 phòng; (01 Giáo dục thể chất, 01 Giáo dục Nghệ thuật).	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.900	1.520	1.520		80
19	Trường Mầm non Phố An; Hạng mục: 02 phòng: 01 Giáo dục thể chất, 01 Giáo dục Nghệ thuật.	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố An	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.900	1.520	1.520		80

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
20	Trường TH số 1 Phố Thanh; hạng mục Xây dựng mới 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thanh	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	3.400	2.720	2.720		80
21	Trường THCS Nguyễn Nghiêm; Hạng mục: Xây dựng mới 08 phòng học, nhà đa năng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	10.500	8.400	8.400		80
22	Trường TH Phố Khánh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà đa năng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Khánh	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	9.500	7.600	7.600		80
23	Trường Tiểu học Phố Văn; Hạng mục: 04 phòng bộ môn, nhà đa năng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	9.500	7.600	7.600		80
24	Trường THCS Phố Phong; Hạng mục: 04 phòng bộ môn THCS (Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ, Tin)	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	4.500	2.250	2.250		50
25	Trường Tiểu học Phố Cường; Hạng mục: 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Cường	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	3.400	1.700	1.700		50
26	Trường TH&THCS Phố Châu; Hạng mục: 04 phòng bộ môn tiểu học	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQB	3.400	1.700	1.700		50

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025				Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác		
27	Trường MN Phố Nhơn; Hạng mục: 02 phòng (01 Giáo dục thể chất, 01 giáo dục nghệ thuật), nhà bếp,	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2.300	1.150	1.150		50	
V	QUY HOẠCH Được đưa vào KCM năm 2021					56.000	53.780	28.780	25.000	96	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch thị xã Đức Phổ		Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	các xã, phường	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	3.200	3.200	3.200		100	
	Dựa kiến đưa vào KCM năm 2022-2025										
2	Quy hoạch chi tiết 1/500 các khu dân cư để khai thác quỹ đất		Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.500	3.500	3.500		100	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Phong		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Phong	Phòng Quản lý đô thị	1.395	1.395	1.395		100	
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Cường		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Cường	Phòng Quản lý đô thị	1.750	1.750	1.750		100	
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Khánh		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Khánh	Phòng Quản lý đô thị	1.775	1.775	1.775		100	

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Châu		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Châu	Phòng Quản lý đô thị	1.380	1.380	1.380	-	100
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Nhơn	Phòng Quản lý đô thị	1.500	1.500	1.500	-	100
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Vinh (phần khu 2)		Phòng Quản lý đô thị	Phường Phố Vinh	Phòng Quản lý đô thị	5.400	5.400	5.400	-	100
9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị ven biển nói Phố Thạnh - Phố Vinh		Phòng Quản lý đô thị	xã Phố Khánh	Phòng Quản lý đô thị	6.000	4.800	4.800	-	80
10	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Tây các phường: Phố Hòa - Nguyễn Nghiêm - Phố Ninh		Phòng Quản lý đô thị	các phường: Phố Hòa, Nguyễn Nghiêm, Phố Ninh	Phòng Quản lý đô thị	5.100	4.080	4.080	-	80
11	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Thạnh		Phòng Quản lý đô thị	phường Phố Thạnh	Phòng Quản lý đô thị	10.000	10.000	10.000	-	100
12	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Bắc đô thị Đức Phố (Phố Văn - Phố Thuận - Phố An - Phố Quang)		Phòng Quản lý đô thị	Phường: Phố Quang, Phố Văn và các xã: Phố An, Phố Thuận, thị xã Đức Phố	Phòng Quản lý đô thị	15.000	15.000	15.000	-	100



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến bố trí vốn	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư của dự án
8	Đầu tư hạ tầng các Khu dân cư bán đấu giá	các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ		2022-2025	250.000	218.227	
8,1	Khu dân cư dọc 2 bên đường bê tông An Lợi – Phước Hạ, xã Phó Nhon	Xã Phó Nhon, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 14.400,0 m ² ;		4.850	4.850	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội.
8,2	Khu dân cư dọc Hùng Nghĩa, xã Phó Phong	Xã Phó Phong, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 8.006 m ² ;		2.800	2.800	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội.
8,3	Khu Dân cư Đồng Phới Trong	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 19.590 m ²		34.000	34.000	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã

Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến bố trí vốn	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư của dự án
Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn.	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 26.000 m ²		39.350	39.350	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhất	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 21.909 m ²		28.300	28.300	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
Khu dân cư mới số 01 tổ dân phố 4, phường Phó Minh	Phường Phó Minh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 8.847 m ²		7.100	7.100	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
Khu dân cư mới Gò Lôm tổ dân phố 4, phường Phó Minh	Phường Phó Minh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA DTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 10.875 m ²		9.400	9.400	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến bố trí vốn	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư của dự án
8,8	Khu dân cư vùng lôm thôn Trường Sơn, Khu dân cư vùng lôm thôn Hải Môn, xã Phố Minh	Phường Phố Minh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 5.643 m ²		2.200	2.200	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,9	Khu dân cư thôn Trung Sơn, xã Phố Khánh	Xã Phố Khánh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	Diện tích QH: 40.400 m ²		22.000	22.000	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã
8,10	Các khu dân cư dọc đường Huỳnh Công Thiệu (núi dài)	Phường Phố Ninh, thị xã Đức Phổ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4 ha	2023-2024	100.000	68.227	Phục vụ nhu cầu về nhà ở của nhân dân. Tạo vốn từ quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội. Từng bước hoàn thành cơ sở hạ tầng của thị xã

